

KINH NGHIỆM SỬ DỤNG CÂY THUỐC CỦA ĐỒNG BÀO THÁI Ở XÃ NAM ĐỘNG VÀ NAM TIẾN, HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

Nguyễn Thị Vân Anh¹, Nguyễn Văn Dur^{1,5}, Trương Anh Thư¹,
Hà Tuấn Anh¹, Nguyễn Công Sỹ¹, Bùi Văn Thanh^{1,5},
Nguyễn Thị Phương Thảo², Nguyễn Văn Hoàn³, Phạm Thanh Huyền⁴

¹Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

²Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

³Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

⁴Viện Dược Liệu

⁵Học viện Khoa học và Công nghệ,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Quan Hóa là huyện miền núi, biên giới, cách trung tâm tỉnh Thanh Hóa 140 km về phía tây, tài nguyên rừng còn tương đối phong phú và đa dạng so với các huyện khác của tỉnh Thanh Hóa. Diện tích rừng và đất lâm nghiệp 82.013,8 ha, chiếm 82,83% diện tích huyện, nằm rải rác ở các xã như: Nam Động, Nam Tiến, Phú Sơn,... Quan Hóa gồm 5 dân tộc anh em sinh sống, trong đó dân tộc Thái là chủ yếu với khoảng 30.000 người (chiếm 65,60%) theo Ủy ban nhân dân huyện Quan Hóa (2016).

Ngoài ra, trên địa bàn huyện Quan Hóa có hai Khu Bảo tồn thiên nhiên là Pù Hu và Pù Luông với diện tích lần lượt là 23.249,45 ha, và 17.662 ha. Hai khu bảo tồn này có giá trị cao về đa dạng sinh học theo Ủy ban nhân dân huyện Quan Hóa (2016).

Đã có một số nghiên cứu về kinh nghiệm sử dụng thực vật làm thuốc của dân tộc Thái ở các vùng nhưng chưa có công bố nào về tri thức sử dụng cây thuốc của đồng bào Thái ở huyện Quan Hóa, vì vậy nơi đây chứa đựng tiềm năng khai thác tri thức sử dụng dược liệu là rất lớn.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Địa điểm: Địa điểm nghiên cứu của đề tài là xã Nam Động và Nam Tiến, huyện Quan Hóa.

- Thời gian: tháng 6 năm 2015 đến tháng 4 năm 2017.

- Đối tượng: Đối tượng nghiên cứu là các loài thực vật và kinh nghiệm sử dụng thực vật làm thuốc của đồng bào dân tộc Thái tại xã Nam Động và xã Nam Tiến, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Nội dung: Điều tra kinh nghiệm sử dụng thực vật làm thuốc của đồng bào dân tộc Thái xã Nam Động và xã Nam Tiến, huyện Quan Hóa; thu thập các mẫu vật liên quan.

- Phương pháp nghiên cứu: Sử dụng các phương pháp nghiên cứu thực vật truyền thống, phương pháp điều tra thực vật dân tộc học, tham khảo các tài liệu của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007); Nguyễn Tiến Bản (2003, 2005), Võ Văn Chi (2012); Gary J. Martin (1995); Đỗ Huy Bích và cs. (2004).

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Sự đa dạng trong bậc Taxon

a. Đa dạng bậc ngành

Qua quá trình điều tra và giám định mẫu vật thu được, đến nay đã xác định được 209 loài, 145 chi, 87 họ thuộc 3 ngành thực vật bậc cao có mạch được đồng bào Thái xã Nam Động và xã

Nam Tiên, huyện Quan Hóa sử dụng vào các mục đích điều trị bệnh và bồi bổ sức khỏe. Sự phân bố các loài thực vật vào các ngành được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1

Cấu trúc hệ thực vật được sử dụng

Tên ngành		Họ		Chi		Loài	
Tên tiếng Việt	Tên khoa học	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
Dương xỉ	Polypodiophyta	1	1,15	1	0,69	1	0,48
Thông	Pinophyta	2	2,30	2	1,38	2	0,96
Mộc Lan	Magnoliophyta	84	97,7	142	97,93	206	98,56
Lớp Mộc lan	Magnoliopsida	66	78,57	124	87,33	174	83,1
Lớp Hành	Liliopsida	19	22,35	18	12,67	35	16,9
Tổng		87	100	145	100	209	100

Qua bảng 1 ta thấy, các loài thực vật được sử dụng chủ yếu thuộc ngành Mộc lan-Magnoliophyta với 206 loài chiếm 98,56%. Điều này là hợp lý bởi trong hệ thực vật Việt Nam, ngành Mộc lan cũng là ngành chiếm ưu thế tuyệt đối. Trong ngành Mộc lan, lớp hai lá mầm chiếm đa số với 78,57% số họ; 87,33% số chi và 83,1% số loài.

Trong số 209 loài cây thuốc đã xác định được, có 195 loài là cây hoang dại (chiếm 93,3%) và 38 loài là cây trồng. Điều này cho thấy mức độ phụ thuộc của đời sống người dân vào tài nguyên thực vật là rất lớn. Việc khai thác và sử dụng cây cỏ tại đây nếu không có chính sách hợp lý sẽ có tác động to lớn đến đa dạng sinh học và ảnh hưởng tới môi trường.

b. Các họ giàu loài được sử dụng nhiều nhất

Trong các họ thực vật được sử dụng tại địa phương, mức độ sử dụng cũng được tập trung vào một số ít họ nhất định. Đây cũng là các họ có số lượng loài lớn ở Việt Nam và có sự phân bố rộng.

Bảng 2

Các họ thực vật được sử dụng nhiều nhất

Stt	Họ thực vật	Số loài
1	Thầu dầu (Euphorbiaceae)	12
2	Vitaceae (Nho)	9
3	Asteraceae (Cúc)	8
4	Lamiaceae (Hoa môi)	7
5	Fabaceae (Đậu)	7
6	Rutaceae (Cam)	6
7	Rubiaceae (Cà phê)	5
8	Moraceae (Dâu tằm)	4
9	Verbenaceae (Cỏ roi ngựa)	4
10	Araliaceae (Ngũ gia bì)	4
	Tổng	66

Những nét đặc trưng của hệ thực vật thường được xem xét trên 10 họ đa dạng nhất, khi xét đến số họ cây có ích ở khu vực nghiên cứu thì dù chỉ chiếm 11,76% tổng số họ nhưng lại có tới 66 loài chiếm 31,58% tổng số loài trong khu vực nghiên cứu. Từ kết quả nghiên cứu các họ giàu loài được sử dụng ta có thể kỳ vọng rằng có thể tìm thấy nhiều loài khác trong cùng họ thực vật có tác dụng làm thuốc.

2. Tri thức sử dụng cây làm thuốc của đồng bào Thái ở xã Nam Động và Nam Tiến

a. Các kết quả nghiên cứu về nhóm bệnh

Bước đầu nghiên cứu về cây thuốc được đồng bào dân tộc Thái ở xã Nam Động, xã Nam Tiến sử dụng, chúng tôi chia mục đích sử dụng cây thuốc làm các nhóm bệnh như sau.

Bảng 3

Các nhóm bệnh được đồng bào Thái ở xã Nam Động và Nam Tiến sử dụng

Stt	Nhóm bệnh	Số loài	Một số cây thuốc được dùng
1	Các bệnh liên quan tới hệ vận động (Xương, cơ, gân,...)	43	Bọ mảy (<i>Clerodendrum cyrtophyllum</i>), Thủy xương bồ (<i>Acorus calamus</i>),...
2	Các bệnh về đường tiêu hoá	35	Găng nước (<i>Randia uliginosa</i>), Duối (<i>Streblus asper</i>),
3	Các bệnh cho phụ nữ (sau sinh, vô sinh,...)	30	Bạch đồng nữ (<i>Clerodendrum paniculatum</i>), Vú bò (<i>Ficus heterophylla</i>),
4	Các loại thuốc uống mát-bổ, nội tiết	30	Cây sảng (<i>Sterculia lanceolata</i>), Chân chim (<i>Schefflera</i> sp.), Đơn đỏ (<i>Excoecaria cochinchinensis</i>).
5	Các bệnh liên quan tới hô hấp, cảm sốt	25	Bạc hà (<i>Mentha arvensis</i>), Cà độc dược (<i>Datura metel</i>), Gáo (<i>Nauclea orientalis</i>),...
6	Cầm máu ngoài da	24	Cỏ mực (<i>Eclipta alba</i>), Cứt lợn (<i>Ageratum conyzoides</i>), Dâm bụt (<i>Hibiscus rosa-sinensis</i>),...
7	Các bệnh về Thận, bài tiết,	19	Cây dâu (<i>Morus alba</i>), Thiên tuế (<i>Cycas</i> sp.), Cỏ xước (<i>Achyranthes bidentata</i>),...
8	Các bệnh khác (dị ứng, răng lợi, huyết áp, tim mạch,...)	18	Đông quỳ (<i>Malva verticillata</i>), Dây mật (<i>Derris elliptica</i>),...
9	Bệnh về thần kinh	7	Lạc tiên (<i>Passiflora foetida</i>), Câu đặng (<i>Uncaria rhynchophylla</i>)

Các nhóm bệnh liên quan tới hệ vận động và bệnh về đường tiêu hoá được đồng bào Thái ở xã Nam Động và xã Nam Tiến sử dụng với tỷ lệ lớn cũng hoàn toàn hợp lý bởi đây đều là các bệnh thường gặp tại các vùng nông thôn, miền núi còn nhiều khó khăn về kinh tế; điều kiện sinh hoạt kém phát triển; nước sinh hoạt, nhà ở và ăn uống mất vệ sinh; đường giao thông chưa phát triển nên việc đi lại khó khăn, đặc biệt là người dân thường xuyên vào rừng khai thác tài nguyên nên dễ gặp tai nạn, ảnh hưởng tới xương, cơ bắp,...

Trong số 209 cây thuốc thu thập được, có cây chỉ được ghi nhận để chữa trị một bệnh nhưng cũng có một số cây được dùng để chữa trị hai hay nhiều loại bệnh khác nhau. Cùng một cây thuốc nhưng với mỗi người dân lại có kinh nghiệm, phương thức điều trị được nhiều bệnh khác nhau cho thấy nguồn tài nguyên tri thức tại đây rất phong phú, phương thức chữa trị bệnh độc đáo. Mỗi phương thức lại chỉ tồn tại trong một vài người, vài gia đình hay trong một cộng đồng nhỏ,... đây là nguồn tri thức quý giá nhưng có nguy cơ thất thoát cao khi những người này qua đời do vậy cần được phải khẩn trương tổ chức thu thập kỹ hơn.

b. Phương thức sử dụng cây thuốc

Về phương thức sử dụng, chúng tôi đã chia thành các nhóm như trong bảng 4. Các kết quả điều tra cho thấy, cộng đồng Thái sử dụng 100% cây thuốc đều là tươi. Lý do là đồng bào ở đây sinh sống ngay tại khu vực có rừng, nguồn tài nguyên có sẵn nên khi nào có nhu cầu sử dụng họ mới đi lấy về. Một lý do khác là theo quan niệm của người dân, các cây thuốc khi dùng tươi thì

hiệu quả cao hơn so với dùng khô, vì phơi khô bị “mất chất”. Tuy nhiên, so với một số dân tộc ở các địa phương khác thì tỷ lệ cây thuốc được dùng khô cao hơn rất nhiều. Điều này cho thấy mức độ phụ thuộc vào thiên nhiên của người dân nơi đây phần nào đã giảm dần. Hơn nữa trong quá trình điều tra tìm hiểu, chúng tôi thấy rằng kinh tế nơi đây bắt đầu phát triển do họ khai thác Luồng để bán, nên họ không thể thường xuyên vào rừng khai thác dược liệu, thay vào đó họ có thể khai thác một lần và bảo quản dùng dần và khi sử dụng có thể tăng liều lượng so với dùng tươi.

Bảng 4

Phương thức sử dụng cây thuốc của đồng bào Thái tại xã Nam Động và xã Nam Tiến

Phương thức sử dụng	Số loài
1a. Dùng tươi	209
1b. Dùng khô	102
2a. Dùng với nước	157
2b. Dùng với rượu	34
2c. Dùng trực tiếp	18
3a. Trong cơ thể (ăn, uống)	168
3b. Ngoài cơ thể (Xoa bóp, tắm, đắp,...)	98

Qua bảng 4 ta cũng nhận thấy, đồng bào Thái ở xã Nam Động và xã Nam Tiến dùng thuốc chủ yếu theo con đường trong cơ thể bằng cách ăn hoặc uống, kể cả các vị thuốc tăng cường sức khỏe, mạnh gân cốt. Ngoài ra, một loài có thể sử dụng bằng biểu con đường như vừa xoa bóp, đắp để tác động từ bên ngoài và vừa kết hợp ăn uống để tác động từ bên trong.

c. Bộ phận dùng làm thuốc

Nghiên cứu về bộ phận sử dụng của các loài cây thuốc không chỉ cho thấy tính chất phong phú và đa dạng trong khả năng chữa bệnh của các bộ phận đó, mà còn có ý nghĩa rất lớn đối với công tác bảo tồn. Đồng thời, việc nghiên cứu các bộ phận sử dụng làm thuốc của cây phần nào đánh giá được tính bền vững trong thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên cây thuốc trong cộng đồng dân tộc thiểu số. Kết quả thống kê về các bộ phận sử dụng làm thuốc theo kinh nghiệm của dân tộc Thái ở xã Nam Động và xã Nam Tiến thể hiện ở bảng 5.

Bảng 5

Bộ phận cây được dùng làm thuốc

Stt	Bộ phận dùng	Số loài
1	Cành, lá	48
2	Cả cây	15
3	Rễ, củ	33
4	Thân	93
5	Khác (dịch thân, nhựa, hoa, quả,...)	20

Kết quả thống kê về tần số sử dụng các bộ phận của cây để chữa bệnh cho thấy, thân, lá hoặc cả cây là các bộ phận được sử dụng nhiều hơn so với các bộ phận khác như hoa, quả, hạt, rễ, vỏ và nhựa. Nhiều nghiên cứu cho thấy, lá được sử dụng nhiều hơn các thành phần khác của cây. Kết quả tương tự cũng được chỉ ra trong nghiên cứu về bộ phận làm thuốc của dân tộc Mường tại xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa của Lê Đình Việt (2012), hay trong nghiên cứu về bộ phận làm thuốc theo kinh nghiệm của cộng đồng người Dao ở VQG Tam Đảo của Nguyễn Văn Tuấn (2011). Việc sử dụng lá làm thuốc giúp làm giảm mức độ của mối đe dọa đối với các loài thực vật làm thuốc hay giúp cho việc thu hoạch bền vững của cây thuốc. Tuy nhiên, tại xã Nam Động và xã Nam Tiến, người dân khai thác rễ của 33 loài chiếm

15,8% cũng là một tỷ lệ khá lớn, điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới công tác bảo tồn và phát triển bền vững các loại dược liệu.

3. Những loài cây thuộc diện bảo tồn ở Việt Nam đã ghi nhận được tại xã Nam Động, xã Nam Tiến, huyện Quan Hóa được đồng bào Thái sử dụng

Căn cứ vào các tài liệu bảo tồn như Nghị định số 32/2006/NĐ – CP của Chính phủ ngày 30/3/2006, ngày 30 tháng 3 năm 2006, về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam, Nguyễn Tập (2006) và Sách Đỏ Việt Nam – Phần II Thực vật (2007), tiến hành xác định các loài cây thuốc diện bảo tồn.

Bảng 6

Các loài cây bị đe dọa ở xã Nam Động và xã Nam Tiến, huyện Quan Hóa

T T	Tên phổ thông	Tên khoa học	Bộ phận sử dụng	Mức độ		
				SĐVN	DLĐCT VN	NĐ 32
1	Bình vôi	<i>Stephania</i> sp.	Củ			IIA
2	Hội nước	<i>Limnophila rugosa</i>	Cả cây	VU B1+2b		
3	Nấm com	<i>Kadsura heteroclita</i>	Quả, thân	VU. A1c,d		
4	Rau sắng	<i>Melientha suavis</i>	Cả cây	VU B1+2e		
5	Thiên lý hương	<i>Embelia parviflora</i>	Cả cây	VU A1a,c,d+2d	VU A1a,c	

Kết quả thu được 4 loài nằm trong Sách Đỏ Việt Nam thuộc 4 chi và 4 họ thực vật, trong đó có 1 loài nằm trong Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam, 1 loài thuộc danh mục các loài cây rừng nguy cấp, quý, hiếm có mặt ở khu vực được ghi trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP.

III. KẾT LUẬN

Đã xác định được 209 loài, với 145 chi, 87 họ thực vật bậc cao có mạch được đồng bào dân tộc Thái ở hai xã Nam Động và Nam Tiến sử dụng vào các mục đích điều trị bệnh và bồi bổ sức khỏe. Trong số 209 loài cây thuốc đã xác định được có 195 loài là cây hoang dại (chiếm 93,3%) và 38 loài là cây trồng.

Các nhóm bệnh được người đồng bào tại xã Thái Nam Động và xã Nam Tiến điều trị chủ yếu là bệnh về xương khớp, hệ vận động (43 loài), bệnh về đường tiêu hóa (35 loài), bệnh phụ nữ (30 loài).

Bộ phận sử dụng chủ yếu là thân (93 loài), sau đó là cành lá (48 loài), rễ cũng được sử dụng với tỷ lệ khá lớn (33 loài).

Có 4 loài nằm trong Sách Đỏ Việt Nam thuộc 4 chi và 4 họ thực vật, có 1 loài nằm trong Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam, có 1 loài thuộc danh mục các loài cây rừng nguy cấp, quý, hiếm có mặt ở khu vực được ghi trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP, ngày 30 tháng 3 năm 2006, về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

Lời cảm ơn: Công trình được hoàn thành bởi kinh phí của Đề tài cơ sở 2014-2015: Điều tra nguồn tài nguyên cây thuốc được đồng bào Thái tại huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa sử dụng (mã số IEBR.DT06/15-17).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiên Bân (chủ biên), 2003. *Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập 2*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 1203 tr.
2. Nguyễn Tiên Bân (chủ biên), 2005. *Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập 3*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 1248 tr.

3. **Đỗ Huy Bích, Đặng Quang Trung, Bùi Xuân Chương, Nguyễn Thượng Dong, Đỗ Trung Đàm, Phạm Văn Hiến, Vũ Ngọc Lộ, Phạm Duy Mai, Phạm Kim Mãn, Đoàn Thị Nhu, Nguyễn Tập, Trần Toàn**, 2006. *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, tập 1*, Nxb. Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội, 1138 tr.
4. **Đỗ Huy Bích, Đặng Quang Trung, Bùi Xuân Chương, Nguyễn Thượng Dong, Đỗ Trung Đàm, Phạm Văn Hiến, Vũ Ngọc Lộ, Phạm Duy Mai, Phạm Kim Mãn, Đoàn Thị Nhu, Nguyễn Tập, Trần Toàn**, 2006. *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, tập 2*, Nxb. Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội, 1256 tr.
5. **Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam**, 2007. *Sách Đỏ Việt Nam-Phần II Thực vật*, Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 611 tr.
6. **Võ Văn Chi**, 2012. *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, Nxb. Y học, Hà Nội, tập2, 1541 tr.
7. **Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam**, 2006. Nghị định số 32/2006/ NĐ-CP, ngày 30 tháng 3 năm 2006, về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.
8. **Gary J. Martin**, 1995. *Ethnobotany, a methods manual*, Chapman & Hall, UK.
9. **Nguyễn Tập**, 2006. Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam, *Tạp chí Dược liệu*, Hà Nội, 16(3), tr. 97- 105.
10. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2007. *Các phương pháp nghiên cứu Thực vật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. **Đỗ Văn Tuấn**, 2011. Nghiên cứu cơ sở khoa học góp phần bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên cây thuốc tại Vườn Quốc gia Tam Đảo, Luận án Tiến sỹ Sinh học, Hà Nội.
12. **Lê Đình Việt**, 2012. Điều tra cây thuốc của đồng bào dân tộc Mường tại xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Luận văn thạc sỹ, Nghệ An.
13. **Ủy ban nhân dân huyện Quan Hóa**, 2016. Báo cáo tình hình kế hoạch nhà nước năm 2016, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2016 huyện Quan Hóa.

**EXPERIENCE OF USING MEDICINAL PLANTS OF THE THAI ETHNIC
MINORITY IN NAM DONG AND NAM TIEN COMMUNES,
QUAN HOA DISTRICT, THANH HOA PROVINCE**

**Nguyen Thi Van Anh, Nguyen Van Du, Truong Anh Thu, Ha Tuan Anh,
Nguyen Cong Sy, Bui Van Thanh, Nguyen Thi Phuong Thao,
Nguyen Van Hoan, Pham Thanh Huyen**

SUMMARY

A total of 209 species belonging to 145 genera of 87 families in three divisions of high vascular plants is used as medicinal plants by the Thai ethnic minority in Nam Dong and Nam Tien communes, Quan Hoa district. Among them, 195 species (93.3%) are wild plants and 38 species are cultivars. The patients treated by Thai ethnic groups in Nam Dong and Nam Tien mainly suffer from osteoarthritis, diseases of musculoskeletal system (43 species), of digestive system (35 species), and the gynaecological disease (30 species). The main parts of medicinal plants used are trunk (93 species), leafy branch (48 species), and rhizome (33 species). Among these medicinal plant species, there are 4 species listed in the Vietnam Red Data Book that belong to 4 genera and 4 families; 1 species listed in the Red list of medicinal plants of Vietnam; and one species in the Government Degree No 32/2006/ ND-CP of the Socialist Republic of Vietnam.